TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2024/QĐXX-ST ngày 18/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Nơi thường trú: thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại Nhật Bản.
Chị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giao nhận các tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tài A, sinh năm 1990
Nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 27/8/2024, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13.

Sau khi kết hôn, chị nhận thấy anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống cũng như cách suy nghĩ. Năm 2018 vì lý do kinh tế gia đình, chị sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Chị và anh A chính thức ly thân từ năm 2018. Do hai vợ chồng xa cách một thời gian dài nên những mâu thuẫn ngày một trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù anh và chị Hải đã nhiều lần hòa giải và cũng được gia đình hai bên tạo điều kiện hòa giải mâu thuẫn hôn nhân để cùng nhau chăm sóc con chung nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tài A.

Về con chung: Chị và anh A có 03 con chung là cháu Nguyễn Tài Nhật M, sinh ngày 01/11/2011; cháu Nguyễn Tài Nhật B, sinh ngày 07/7/2015; cháu Nguyễn Tài Đăng K, sinh ngày 09/3/2017. Nay ly hôn, do chị đang ở Nhật Bản nên chị đề nghị giao cháu Nguyễn Tài Nhật M, cháu Nguyễn Tài Nhật B và cháu Nguyễn Tài Đăng K cho anh Nguyễn Tài A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 11/10/2024, bị đơn anh Nguyễn Tài A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự do tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng kí kết hôn ngày 14/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh A làm dâu ở thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau một khoảng thời gian anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng về quan điểm sống. Đến năm 2018, chị H sang Nhật Bản lao động, do khoảng cách địa lý cũng như có những bất đồng từ trước nên mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo anh chị đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái nhưng vẫn không có kết quả. Anh chị đã ly thân nhau kể từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm và không thể hòa hợp lại được với nhau. Đến nay, anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là cháu Nguyễn Tài Nhật M, sinh ngày 01/11/2011; cháu Nguyễn Tài Nhật B, sinh ngày 07/7/2015; cháu Nguyễn Tài Đăng K, sinh ngày 09/3/2017. Nay ly hôn, do chị H đang sinh sống và lao động ở Nhật Bản nên anh đồng ý với yêu cầu của chị H về việc giao cả 03 cháu cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2024, cháu Nguyễn Tài Nhật M, cháu Nguyễn Tài Nhật B và cháu Nguyễn Tài Đăng K trình bày: Các cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố là anh Nguyễn Tài A tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay mẹ các cháu đang làm việc tại nước ngoài, không có thời gian chăm sóc các cháu nên nếu bố mẹ ly hôn, các cháu muốn được ở cùng bố.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Tài A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Bùi Thị H; Bản tự khai của anh Nguyễn Tài A; Biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Tài A; cháu Nguyễn Tài Nhật M, cháu Nguyễn Tài Nhật B, cháu Nguyễn Tài Đăng K và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tài A.

Về con chung: Trong thời gian chị H đi lao động ở nước ngoài, các cháu M, Tiến và Khôi sinh sống cùng anh A. Mặt khác, các cháu M, B, K đều trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Sau khi vợ chồng ly hôn chị H, anh A cùng có thống nhất giao cả 03 cháu M, B, K cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 03 cháu M, B, K cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh A và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị H là nguyên đơn hiện đang lao động tại Nhật Bản. Mặt khác, anh A là bị đơn hiện có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Tài A.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Tài A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H khởi kiện xin ly hôn anh A.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh A, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, chị H, anh A chung sống hạnh phúc. Sau đó vì lý do kinh tế gia đình nên chị H đi lao động tại Nhật Bản. Vợ chồng xa cách một thời gian dài nên bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018 đến nay, anh chị chính thức ly thân, ai có cuộc sống riêng của người đó. Chị H, anh A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng

chị H, anh A không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh A và xử cho chị H được ly hôn anh A là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh A đều trình bày vợ chồng anh, chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Tài Nhật M, sinh ngày 01/11/2011; cháu Nguyễn Tài Nhật B, sinh ngày 07/7/2015; cháu Nguyễn Tài Đăng K, sinh ngày 09/3/2017. Nay ly hôn, do chị H đang ở Nhật Bản, nên anh đề nghị giao cả 03 cháu M, B, K cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Chị H, anh A không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị H về việc giao con chung cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị H đang lao động ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, trong thời gian chị H đi lao động ở nước ngoài, các cháu M, B, K vẫn sống cùng bố là anh A, được bố chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Mặt khác, các cháu M, B, K trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện thực tế và để đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của các cháu M, B, K cũng như nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị H giao con chung cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật sau khi ly hôn.

Trường hợp chị H, anh A thay đổi nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, chị H, anh A có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết do chị H, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do chị H, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Tài A vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tài A.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Tài Nhật M, sinh ngày 01/11/2011; cháu Nguyễn Tài Nhật B, sinh ngày 07/7/2015; cháu Nguyễn Tài Đăng K, sinh ngày 09/3/2017 cho anh Nguyễn Tài A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000083 ngày 07/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tài A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tài A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tâm Nguyễn Thị Phú **Nguyễn Trung Thông**

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tài A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông